

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/DS-PT

Ngày: 22-4-2022

V/v tranh chấp hui và hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 01/4 và 22/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977, địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1962 (*Có mặt*)

2.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp K12, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị C - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày:* Vào khoảng từ năm 2014 đến năm 2019 bà C có tham gia chơi hụi do bà P làm chủ, hụi từ 1.000.000đ đến 5.000.000đ, bà C tham gia hai mươi chân. Trong các dây hụi này bà C đã hốt hết, sau khi hốt hụi bà C không châu lại hụi chết và bà P có cho bà C vay tiền, hiện các dây hụi trên đã mãn. Trong thời gian chơi hụi bà C đã nhiều lần vay tiền của bà P để xoay sở sinh hoạt trong gia đình. Sau đó, bà P và bà C đã đối chiếu sổ sách thì bà C nợ bà P tổng số tiền hụi và tiền vay là 1.618.300.000đ, bà C viết biên nhận cho bà P vào ngày 20/3/2019 âm lịch. Từ khi đối chiếu nợ với nhau bà C không trả cho bà P số tiền nào hết, mặc dù bà P đã nhiều lần đến yêu cầu nhưng đến nay bà C vẫn chưa trả số tiền trên. Nay bà P yêu cầu bà Trần Thị C và chồng bà là ông Nguyễn Văn N cùng có trách nhiệm trả số tiền trên. Các danh sách hụi (foto) có trong hồ sơ là do bà C cung cấp chứ không phải của bà P. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bà Trần Thị C trình bày:* Bà thừa nhận từ năm 2014 đến khoảng năm 2019 bà có tham gia chơi hụi do bà P làm chủ gồm: Hụi khui ngày 25/8/2014 bà tham gia một chân, hụi 5.000.000đ; ngày 12/4/2015 bà tham gia một chân; ngày 08/7/2015 bà tham gia một chân; ngày 02/8/2016 bà tham gia hai chân. Sau khi tham gia bà đã hốt hết các dây hụi trên và bà có châu hụi chết lại cho bà P mỗi tháng là 10.000.000đ, sau đó do bà không có khả năng châu hụi chết nữa nên nợ lại mười lần hụi chết với số tiền 100.000.000đ. Còn lại các dây hụi khác bà P tự đưa tên bà vô và tự hốt hụi, bà không biết nên không châu hụi chết cho bà P. Trong thời gian chơi hụi bà có vay của bà P nhiều lần với số tiền gốc là 50.000.000đ, lãi suất 05%/tháng, bà đã đóng lãi cho bà P bốn năm với số tiền 120.000.000đ và sau đó bà đã trả vốn cho bà P 9.000.000đ, mỗi lần bà đóng lãi bà có yêu cầu bà P ghi vào sổ của bà để nhớ, bà P không ký nhận và cũng không ai biết hay chứng kiến. Số tiền hụi chết 100.000.000đ bà nợ bà P nên bà P tính lãi 30%/tháng, số tiền này bà chưa đóng lãi. Như vậy, bà chỉ nợ bà P tổng số

tiền hụi và tiền vay gốc là 150.000.000đ, sau đó bà có trả cho bà P 9.000.000đ gốc của tiền vay, hiện bà chỉ còn nợ tiền gốc là 141.000.000đ. Ngày 20/3/2019, bà P kêu bà đến nhà bà P để đối chiếu lại sổ sách tiền nợ giữa bà với bà P. Sau khi đối chiếu xong bà P buộc bà phải ghi biên nhận là nợ bà P số tiền 1.618.300.000đ (Một tỷ sáu trăm mười tám triệu ba trăm ngàn đồng), trong khi bà chỉ còn nợ 141.000.000đ. Lúc đầu bà không đồng ý viết, vợ chồng bà P không chừa, đe dọa không cho bà về nhà nếu bà không chịu viết, lúc này trời sắp mưa, nhà bà còn có hai đứa cháu nhỏ nên bà đồng ý viết và ký vào biên nhận để được đi về. Nay bà P yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 1.618.300.000đ bà không đồng ý trả, bà đồng ý trả 141.000.000đ cho bà P, các danh sách hụi (foto) là do bà cung cấp cho Tòa án. Nay yêu cầu Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông là chồng của bà Trần Thị C. Ông không có một thông tin nào từ ông H và bà P về phần nợ tiền chơi hụi của vợ ông. Từ những lý do trên ông không biết gì để trình bày trước Tòa, rất mong được sự xem xét chấp thuận theo yêu cầu của ông.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn N cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hụi và tiền vay còn nợ là 1.618.300.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự :

Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn N phải nộp số tiền 60.549.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N 30.274.500đ theo biên lai số 0010009, quyển số 0201 ngày 20/3/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 14/10/2021, bà Trần Thị C kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Bà C chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 141.000.000đ, vì bà C đã đóng lãi cho bà P quá nhiều.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông T trình bày bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với bà C, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 141 triệu đồng.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Bà C thừa nhận có viết biên nhận ngày 20/3/2019 âl, có tham gia chơi hụi và cũng có vay tiền của bà P. Các dây hụi đều đã hốt nhưng không châu hụi chết. Qua đối chiếu nợ thì bà C còn nợ số tiền 1.618.300.000đ. Ngoài ra, bà C còn cung cấp các sổ hùn vốn của 20 chân hụi và có ghi tên 9 N (chồng bà C) là người hốt hụi, nên có căn cứ xác định bà đã đồng ý có tham gia chơi các dây hụi chưa châu hụi chết. Bà C thừa nhận tiền hụi, tiền vay sử dụng chi tiêu trong gia đình, trông kiệu ... Bà C cho rằng bị ép buộc ký biên nhận nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Bà C cho rằng vay của bà P 50 triệu đồng vào ngày 15/6/2014, lãi suất 5%/tháng và đã đóng lãi đến 2018 tổng cộng 120 triệu đồng, tiền hụi còn thiếu thì đã đóng lãi 30%/tháng, số tiền lãi đóng trong 3 năm là 206 triệu đồng. Do đó bà C chỉ còn thiếu tiền vay 50 triệu đồng, tiền hụi 100 triệu đồng và đã trả 09 triệu nên còn nợ 141 triệu đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại biên bản đối chất ngày 12/4/2022 bà C thừa nhận các danh sách hụi là do bà cung cấp cũng thể hiện bà đã hốt hụi, điều này phù hợp với 03 chứng cứ tại bút lục số 20, 15, 10 do bà C ghi lại để nhớ, nội dung 03 bút lục này đều thể hiện bà C đã hốt hụi. Do đó kháng cáo của bà C là không có căn cứ để chấp nhận. Bà C là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận. Đề nghị chấp

nhận một phần kháng cáo của bà C, sửa một phần bản án sơ thẩm về miễn tiền án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà P khởi kiện yêu cầu bà C và ông N liên đới trách nhiệm trả tiền hội và tiền vay, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Bà P ủy quyền cho ông T thủ tục phù hợp nên chấp nhận. Ông N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông N theo quy định.

[2] Theo bà P trình bày, trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2019, thì bà P có làm chủ hội và có cho bà C tham gia 20 chân hội. Quá trình chơi hội thì bà C đã hốt hội toàn bộ các chân hội nhưng không đóng hội chết, nên bà P châu hội chết thay cho bà C và hiện tại các dây hội của bà C đã hốt đều mãn. Trong thời gian chơi hội thì bà C có vay tiền của bà P để chi tiêu trong gia đình. Ngày 20/3/2019, bà P cùng với bà C đối chiếu các khoản nợ và bà C làm biên nhận nợ số tiền 1.618.300.000đ nên yêu cầu trả số tiền này.

Bà C thừa nhận có tham gia chơi hội trong thời gian nói trên nhưng chỉ tham gia 05 chân hội trong 04 dây hội, đã hốt hội và đã mãn hội. Đồng thời có vay số tiền là 50.000.000đ lãi suất 5%/tháng, đã đóng lãi đến 2018 tổng cộng 120 triệu đồng, tiền hội còn thiếu thì đã đóng lãi 30%/tháng, số tiền lãi đóng trong 3 năm là 206 triệu đồng. Thực tế bà C chỉ thiếu tiền vay 50 triệu đồng, tiền hội 100 triệu đồng, tổng cộng là 150.000.000đ, sau đó bà C đã thanh toán tiền vốn vay 9.000.000đ, nên số nợ còn lại là 141.000.000đ. Nay đồng ý trả cho bà P 141.000.000đ.

Xét thấy, bà P trình bày danh sách hội viên ghi tên 9 N là do bà C trực tiếp tham gia và xác định bà C tham gia 20 chân hội, tổng số tiền hội và tiền vay còn nợ 1.618.300.000đ là có căn cứ, bởi vì: Tại biên bản đối chất ngày 12/4/2022 của Tòa án Tỉnh, thì bà C thừa nhận danh sách các dây hội bà cung cấp cho Tòa án là do bà P giao cho bà; bà C cũng xác nhận các dây hội của bà mà ghi tên 9 N (chồng bà C) là do bà tham gia.

Mặt khác, bà C trình bày 03 dây hội chưa đóng hội chết gồm: Dây hội ngày 08/7/2015 số tiền 20.000.000đ; dây hội ngày 12/4/2015 số tiền

20.000.000đ; dây hụi ngày 02/8/2016 số tiền 30.000.000đ +30.000.000đ (tham gia 02 chân hụi nhưng không rõ nợ của chân hụi nào), tổng cộng 100.000.000đ (biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2021). Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà C đã xuất trình danh sách 12 dây hụi (từ bút lục 06 đến số 20) và có viết giấy gửi kèm theo thể hiện là bà có hốt tổng cộng 20 chân hụi, nhưng cho rằng bà P đã lấy tiền hốt hụi của 15 chân. Tại phiên phúc thẩm, bà C cho rằng bà P tự ý đưa tên của bà C vào danh sách hụi viên để tham gia thêm 15 chân hụi trong 12 dây hụi từ năm 2016 đến năm 2019 và bà P kêu bà C hốt hụi mục đích là để bà P lấy tiền hốt 15 chân hụi trừ tiền lãi cho số tiền nợ hụi chết 100.000.000đ nói trên (nội dung này bà C giải thích đơn kháng cáo do Tòa án Tỉnh nhận ngày 03/12/2021). Nhưng tại biên bản đối chất ngày 01/10/2021, thì bà C lại khai số tiền hụi còn thiếu 100.000.000đ, bà P tính lãi 3%/tháng và đã đóng lãi 3 tháng 9.000.000đ, đến tháng thứ tư thì bà P buộc phải đóng lãi 10.000.000đ/tháng. Do không có tiền đóng lãi nên tính lãi 30%/tháng thành tiền 300.000.000đ/tháng cộng với lãi tiền vay 05%/tháng, vì vậy vốn gốc và lãi là 1.618.300.000đ. Nhận thấy lời khai của bà C không khớp nhau và không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bà P tự ghi tên bà C, tên 9 N vào danh sách hụi viên để bà P tự lấy tiền hốt hụi và không có căn cứ chứng minh rõ ràng chỉ còn nợ số tiền 141 triệu đồng.

Việc bà C khai vợ chồng bà P khống chế đe dọa, ép buộc nên mới viết biên nhận theo yêu cầu của bà P. Sau đó bà có báo ngay cho Trưởng công an ấp và công an viên xã P, nhưng theo trình bày của ông Phùng Văn Út N và ông Hồ Văn G (công an ấp) xác nhận là bà C mới đến trình báo sự việc viết biên nhận vào năm 2021. Vậy bà C cho rằng bị vợ chồng bà P có hành vi khống chế trái quy định pháp luật nhưng không trình báo chính quyền địa phương ngay để làm căn cứ xem xét giải quyết. Bà C trình bày là bà có mở sổ theo dõi việc thanh toán nợ, nhưng bà P không thừa nhận chữ viết trong sổ theo dõi của bà C và bà C cũng không yêu cầu giám định chữ viết. Hơn nữa, nội dung ghi sổ cũng không rõ ràng để chứng minh số tiền nợ không phải là 1.618.300.000đ.

Theo bà C trình bày, nếu bà không đóng tiền hụi chết mà được tham gia chơi các dây hụi tiếp theo là không hợp lý. Việc này bà P cho rằng, bà C chơi hụi là để trông củ kiệu và chi phí cho con đi lao động nước ngoài, nhưng trông củ kiệu bị thua lỗ nên không đóng hụi chết và bà C năn nỉ cho tham gia chơi các dây hụi tiếp theo để có điều kiện trả nợ.

Qua nội dung trên cho thấy, bà P thỏa thuận cho bà C tham gia chơi hụi là tự nguyện, bà C thừa nhận đã nhận danh sách hụi viên đầy đủ. Việc viết biên nhận là trên cơ sở đối chiếu nợ và bà C không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh không còn nợ số tiền như biên nhận do bà C tự nguyện viết ngày 20/3/2019 âl, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C.

Về án phí: Bà C, ông N là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí là phù hợp nên chấp nhận.

Đại diện viện kiểm sát Tỉnh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà C, sửa một phần bản án sơ thẩm về miễn án phí là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà C, sửa một phần bản án sơ thẩm về miễn tiền án phí. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, nhưng điều chỉnh cách tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn N liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 1.618.300.000đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ

thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0003155 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N 30.274.500đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng) theo biên lai số 0010009, quyển số 0201 ngày 22/3/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng